TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35a/2017/DS – ST
Ngày: 15-8-2017
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Võ Thị Loan.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Nguyễn Thanh Lâm.

Ông: Nguyễn Thanh Phong.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:***

Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 11/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị V, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: 1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

2. Phan Văn H**,** sinh năm 1951 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2016 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu như sau:

Vào ngày 15/10/2014 bà T có vay chị số tiền là 40 triệu đồng và có làm giấy nợ, giấy nợ này do bà T tự tay viết. Đến ngày 1/3/2015 thì bà T bán đất ở Giồng Trôm – Bến Tre nên trả cho chị được 20 triệu đồng, còn nợ lại 20 triệu đồng nên bà T mới làm giấy nhận nợ mới nội dung là: "Chị 6 H có mượn của V 20.000.000 đồng (hai chục triệu) và giấy nợ này có chữ ký "T" và chữ viết "Nguyễn Thị T". Đối với nội dung "Chị 6 H có mượn của V 20.000.000 đồng (hai chục triệu) là chữ viết của chị. Còn chữ ký "T" và chữ viết "Nguyễn Thị T" là do tự tay bà T ký và viết nên.

Tại phiên tòa chị V yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn H phải trả cho chị số tiền vay là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu hoàn trả tiền giám định.

Đối với ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, giấy triệu tập để tham gia hoà giải, xét xử nhưng đều vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Đối với Thẩm phán có thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc gởi Thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát, bị đơn là chưa đúng qui định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong hồ sơ không có Quyết định gia hạn nên Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn thì trong hồ sơ không có lời khai nhưng Thẩm phán đã ra Quyết định đối chất là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 100 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử.

Nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ theo luật định. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, 172 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án : Căn cứ kết luận giám định thì chứng minh được bà T có vay tiền của chị V. Căn cứ vào các Điều 298, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Buộc bà T và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị V số tiền vay 20.000.000 đồng.

Đối với những vi phạm về tố tụng là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án, kiến nghị Thẩm phán khắc phục trong thời gian tới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục tố tụng:

Ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

2/ Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ vào nội dung xác minh ngày 13/3/2017 (bl 26), có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định: Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn H là vợ chồng hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V kiện đòi bà T và ông H phải trả số tiền vay 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Tại Kết luận giám định số 86/2017/GĐTL ngày 30/5/2017 của Phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre (bl 65) đã kết luận: Chữ ký ghi "T", chữ viết: "Nguyễn Thị T" trên tài liệu có nội dung: "Chị 6 H có mượn của V 20.000.000 (hai chục triệu) (ký hiệu A 1) so với chữ viết "Nguyễn Thị T" dưới mục người ủy quyền trên Giấy ủy quyền ngày 27/6/2016 nêu tại mục 2.2 do cùng một người viết ra.

Căn cứ vào kết quả giám định trên thì có căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Tại giấy nhận nợ ngày 1/3/2015 do nguyên đơn xuất trình tại Tòa án là do bà T ký tên xác nhận. Vì vậy, xác định sự thật bà Nguyễn Thị T có vay của chị Nguyễn Thị V ngày 01/3/2015 là 20.000.000 đồng và đến nay vẫn chưa trả số nợ này cho chị Vân.

[3] Do khoản nợ vay phát sinh vào ngày 01/3/2015 nên khi có tranh chấp thì Tòa án phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Đối với bà T là người vay tài sản đã nhận đầy đủ số tài sản do chị V giao theo thỏa thuận giữa hai bên, nhưng đến nay bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị V là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Khoản nợ 20.000.000 đồng phát sinh vào năm 2015 đây là thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà T nên xác định nghĩa vụ trả nợ là chung của vợ chồng

được quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, bà T, ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Vân số tiền vay 20.000.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy: Đây là quyền quyết định và định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào Biên bản quyết toán chi phí giám định (bl 66,67) thì chi phí giám định là 1.050.000 đồng, chi phí trên do chị V đã tạm ứng và quyết toán xong. Căn cứ vào khoản 2 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự trong trường hợp này thì chi phí giám định do bà T, ông H phải chịu là 1.050.000đồng và phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị V số tiền trên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết quy định về mực thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: Ông H, bà T phải liên đới chịu án phí là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 287 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết quy định về mực thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V đối với ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

3. Buộc ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền vay 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm chục ngàn đồng) chi phí giám định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị V cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền án phí.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010328 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng GĐKT);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

VÕ THỊ LOAN